

Số: 2837260

|                                                | PEUGEOT 408 LEGEND EDITION ALLURE | New Mazda CX-8 2.5 Premium                |
|------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.039.000.000đ                    | 1.019.000.000đ                            |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                   |                                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510                | 4900 x 1840 x 1730                        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                              | 2930                                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                               | 200                                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1430                              | 1770                                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1880                              | 2365                                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                               | 209                                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                                | 72                                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                 | 7                                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                  | SX-LR trong nước                          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                   |                                           |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech                | SkyActiv-G 2.5L                           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                              | 2488                                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500                        | 188 / 6000                                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000                        | 252 / 4000                                |
| Hộp số                                         | 8AT                               | 6AT                                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                   | Cầu trước (FWD)                           |
| Hệ thống treo trước                            | Độc Lập Mac Pherson               | Độc lập Mc Pherson                        |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập                       | Liên kết đa điểm                          |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                               | Đĩa                                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                               | Đĩa                                       |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18                        | 225/55 R19                                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.74                              | 12.91                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.31                              | 6.73                                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.59                              | 8.75                                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                                 | ●                                         |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport                  | Normal / Sport                            |
| Chế độ địa hình                                | -                                 |                                           |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                   |                                           |
| Cụm đèn trước                                  | Xenon                             | LED Projector                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                 | ●                                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                 | Đèn thích ứng thông minh ALH              |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                                 | ●                                         |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                                 | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                 | ●                                         |
| Đèn sương mù                                   | Halogen Projector                 |                                           |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                           | LED                                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                 | ● (Sấy gương)                             |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                 | ●                                         |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                 | ●                                         |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                                   |                                           |

|                                      |                                                           |                          |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                                                         | ●                        |
| Chất liệu ghế                        | Da                                                        | Da Nappa Nâu Đỏ          |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                                                         |                          |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                                                         | ●                        |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                                                         | ●                        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -                                                         |                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                                                         | ●                        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                                                         |                          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | ●                                                         | ● (Vô lăng + Hàng ghế 2) |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | ●                                                         |                          |
| Tính năng cửa hít                    | -                                                         |                          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                                                         | ●                        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog                                                    | Analog & Digital 7"      |
| Màn hình HUD                         | ●                                                         | ●                        |
| Màn hình giải trí trung tâm          | AVN 7                                                     | 8"                       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                                                         | ● (Không dây)            |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                                                         | ●                        |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                                                         | 3                        |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                                                         | ●                        |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                                                         | ●                        |
| Khởi động nút bấm                    | ●                                                         | ●                        |
| Khởi động từ xa                      | -                                                         |                          |
| Lấy chuyển số                        | ●                                                         |                          |
| Sạc không dây Qi                     | ●                                                         | ●                        |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                                                         | ●                        |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                                                         | ●                        |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                                                         |                          |
| Rèm che nắng                         | ●                                                         | Chỉnh tay                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                                                         | ●                        |
| Trang bị khác                        | Hàng ghế 2: Chỉnh điện, sưởi, làm mát, massage, bệ đỡ đùi |                          |

#### AN TOÀN:

|                                                 |             |                  |
|-------------------------------------------------|-------------|------------------|
| Số túi khí                                      | 6           | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | -           | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau | Trước/Sau        |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -           | ●                |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -           | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | -           | ● (Trước và sau) |

|                                          |   |                      |
|------------------------------------------|---|----------------------|
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - |                      |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - | ● (MRCC - Stop & Go) |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● | ●                    |
| Camera lùi                               | ● | ● (Camera 360)       |